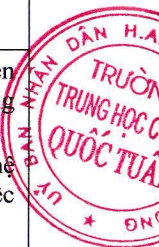


UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS QUỐC TUẤN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh lớp 5 đã hoàn thành bậc tiểu học	Trong năm học lớp 6 HS đạt đủ những điều kiện dưới đây a) Hạnh kiểm và học lực từ trung bình trở lên; b) Nghỉ không quá 45 buổi học trong một năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).	Trong năm học lớp 7 HS đạt đủ những điều kiện dưới đây a) Hạnh kiểm và học lực từ trung bình trở lên; b) Nghỉ không quá 45 buổi học trong một năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).	Trong năm học lớp 8 HS đạt đủ những điều kiện dưới đây a) Hạnh kiểm và học lực từ trung bình trở lên; b) Nghỉ không quá 45 buổi học trong một năm học (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo Kế hoạch giáo dục đã được Hiệu trưởng phê duyệt.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Cha mẹ cần phối hợp với nhà trường quan tâm đến các mặt sau đây của học sinh: Chế độ ăn uống, chế độ sinh hoạt, việc rèn luyện các giác quan, phát triển ngôn ngữ, cách ứng xử đúng đắn, giáo dục lòng thương yêu đối với sự vật và con người xung quanh mình. Rèn luyện các nề nếp thói quen học tập, vệ sinh, mua sắm đồ dùng học tập đầy đủ... - Ngoài việc quan tâm đến kết quả học tập của học sinh, gia đình cùng nhà trường nên dành thời gian chú ý đến các mối quan hệ của con cái với bạn bè, kịp thời phát hiện những lệch lạc do bạn xấu rủ rê, chú ý đến sự phát triển năng khiếu, định hướng việc lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực của các em. - Luôn tuân thủ các quy định của trường, lớp, pháp luật của Nhà nước - Có ý thức trau dồi đạo đức, ý thức vươn lên trong học tập. - Có động cơ học tập đúng đắn - Làm việc có kế hoạch, phát huy tính chủ động, sáng tạo - Có tinh thần đoàn kết, trung thực			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, tham quan trải nghiệm và tạo nhiều sân chơi lành mạnh cho học sinh. - Thực hiện nghiêm túc và tạo điều kiện cho học sinh trong việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí, chế độ với gia đình có công với cách mạng, gia đình chính sách... - Tạo điều kiện về mọi mặt cho các em tích cực tham gia các hoạt động tập thể, các phong trào học tập trong và ngoài nhà trường			



V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	+ Đảm bảo 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp, không có học sinh bỏ học giữa chừng. - Đối với lớp 6,7,8: Về năng lực: Loại tốt: 42,15 %; Loại Khá: 42,49%; Loại Đạt: 14,68 %; CĐ: 1,02 % - Đối với các lớp 9 + Đảm bảo 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp, không có học sinh bỏ học giữa chừng. + Học sinh xếp loại về phẩm chất, hạnh kiểm tốt: 85% trở lên; Hạnh kiểm TB dưới 1,0%, không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu. + Học sinh xếp loại học lực giỏi: 30%- 35,0% ; xếp loại học lực khá: 40,0% trở lên; học lực yếu và kém 0% ; + 100% học sinh hoàn thành chương trình giáo dục cấp THCS; + Tỷ lệ HS sau tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT đạt từ 75-80%; học nghề đạt 20-25% ; Thi đỗ vào lớp 10 THPT công lập : 90 % trên tổng số học sinh dự thi; 90% trở lên học sinh tốt nghiệp THCS vào học các loại hình. + Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động từ 90% HS tham gia và đạt kết quả khá, tốt. + Ổn định và nâng cao chất lượng học sinh đại trà, KSCL xếp thứ tự phần đầu thuộc top 5-7/ 17 trường của huyện; + Chất lượng học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT công lập: Điểm bình quân môn thi cao hơn mặt bằng bình quân chung của huyện và thành phố. Xếp thứ kết quả thi vào lớp 10 thuộc top 3-5 /17 trường và thuộc top 50-80 của thành phố. - Phân đầu tất cả học sinh đều đủ sức khỏe đến trường. - Học sinh được khám sức khỏe định kì, thông báo về cho gia đình kết quả khám sức khỏe. - Được chăm sóc sức khỏe ban đầu tại phòng y tế nhà trường. - Được tuyên truyền phòng tránh các loại bệnh thường gặp, phòng chống TNNT...
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Duy trì sĩ số học sinh từ đầu năm, tạo điều kiện tốt nhất cho các em tới trường, không để tình trạng bỏ trường, bỏ lớp.

Quốc Tuấn , ngày 01 tháng 6 năm 2023



Bùi Thị Minh Nguyệt



BIỂU MẪU 12

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023 - 2024**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	42	TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Giáo viên	28			25	3			6	19		26	2		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
	Toán	6			6				1	5		6			
	Lý	1			1					1		1			
	Hóa	1				1				1			1		
	Sinh học	2			2					2		2			
	Công nghệ	7			7					7		7			
	Tin	1				1				1		1			
	Thể dục	2			1	1				2		1	1		
	Nhạc	1			1					1		1			
	Họa	1			1					1		1			
	Ngữ văn	7			7					7		7			
	Lịch sử	1			1					1		1			
	Địa lý	1			1					1		1			
	GDCD	1			1					1		1			
	Ngoại ngữ	2			2					2		2			
	Tổng phụ trách	1			1					1		1			
	Cán bộ quản lý	2			2					2		2			
	Hiệu trưởng	1			1					1		1			



	Phó hiệu trưởng	1			1					1		1	0		
	Nhân viên	6													
	Nhân viên văn thư	1													
	Nhân viên kế toán	1													
	Nhân viên y tế	0													
	Nhân viên thư viện	1													
	Nhân viên TB	0													
	Nhân viên bảo vệ	2													
	Lao công	1													

Quốc Tuấn, ngày 05 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Minh Nguyệt



Biểu mẫu 11

**UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS QUỐC TUẤN**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
Năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh:
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	19	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	4	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	38,7	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9720	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6500	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	54	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	48	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	48	
3	Diện tích thư viện (m ²)	78	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²): Bếp, kho đồ	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	1	
2	Khối lớp 7	1	
3	Khối lớp 8	1	
4	Khối lớp 9	1	
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	22	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	16	1/1
2	Cát xét	1	



3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Camera	19	
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		1		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quốc Tuấn, ngày 05 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Minh Nguyệt

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS QUỐC TUẤN

Biểu mẫu 10

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Quốc Tuấn
Năm học 2022 – 2023

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp K 6	Lớp K 7	Lớp K 8	Lớp K 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	690	182	190	172	146
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	671 (97.2%)	173 (95.1%)	188 (98.9%)	164 (95.3%)	146 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	18 (2.6%)	9 (4.95%)	2 (1.05%)	7 (4.1%)	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.1%)	0	0	1 (0.6%)	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	690	182	190	172	146
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	280 (40.6%)	68 (37.4%)	87 (45.8%)	57 (33.1%)	68 (46.6%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	307 (44.5%)	90 (49.4%)	75 (39.5%)	80 (46.5%)	62 (42.5%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	96 (13.9%)	20 (11.0%)	27 (14.2%)	33 (19.2%)	16 (11.0%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	5 (0.72%)	4 (2.2%)	1 (0.5%)	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	8 (1.16%)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	687 (99.6%)	177 (99.44%)	137 (94.48%)	162 (98.79%)	142 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	25 (6.72)	7 (3.85)	18 (9.47)		
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	182 (28.9%)	60 (33.0%)	69 (36.3%)	57 (33.1%)	68 (46.6%)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	142 (44.6%)			80 (46.5%)	62 (42.5%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	7 (1%)	4 (2.2%)	1 (0.5%)	2 (1.0%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.4%)	2	1	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	20 (2.9%)	3 (1.6%)	6 (3.1%)	7 (4.0%)	4 (2.7%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.4%)	0	2 (1.0%)	0	1 (0.6%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp Khối 9	146	0	0	0	145



VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	146	0	0	0	146
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	68 (46.6%)	0	0	0	68 (46.6%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	62 (42.5%)	0	0	0	62 (42.5%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	16 (11.0%)	0	0	0	16 (11.0%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	326/326	101/81	101/89	93/79	69/77
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Quốc Tuấn, ngày 04 tháng 6 năm 2023
 Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Minh Nguyệt

